

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN DẦU TIẾNG  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2017/DS-ST

Ngày: 31-8-2017

V/v tranh chấp hợp đồng  
dân sự vay tài sản (tín dụng)

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Minh Đồng

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Trương Hữu Bình;

2. Bà Nguyễn Thị Lê Mỹ.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Văn Tùng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng tham gia phiên tòa:**  
Ông Nguyễn Quang Thịnh – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 82/2017/TLST- DS ngày 14 tháng 3 năm 2017 về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản (tín dụng)”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2017/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Ngân hàng Thương mại cổ phần S (sau đây gọi tắt là Ngân hàng S); địa chỉ: 266-268 Đường N, Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

**Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:** Bà Nguyễn Đức Thạch D – Tổng giám đốc. Bà D ủy quyền tham gia tố tụng cho ông Đặng Văn P1 - Giám đốc Ngân hàng S – Chi nhánh B theo văn bản ủy quyền số 2331/2017/GUQ-PL&TT ngày 07/8/2017. Ông Đặng Văn P1 ủy quyền tham gia tố tụng giải quyết vụ án lại cho ông Lê Văn P2 – Trưởng Phòng giao dịch D theo văn bản ủy quyền số 140/GUQ-CNBC ngày 14/8/2017.

**2. Bị đơn:**

2.1. Ông Trần Đình C, sinh năm 1980; hộ khẩu thường trú: Thôn N, xã T, huyện P, thành phố Hà Nội. Nơi cư trú: Ấp L, xã H, huyện D, tỉnh Bình Dương.

2.2. Bà Dương Thị H, sinh năm 1985; hộ khẩu thường trú: Ấp Đ, xã H, huyện D, tỉnh Bình Dương.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1972; HKTT: Ấp C, xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lê Văn P2 có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt ngày 15/8/2017. Bị đơn ông Trần Đình C và bà Dương Thị H vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị N có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt ngày 16/6/2017.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***\* Theo đơn khởi kiện ngày 07/3/2017 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 24/5/2017, biên bản làm việc, biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản hòa giải, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (ông Lê Văn P2) trình bày:***

- Hợp đồng tín dụng từng lần số LD 1419800110 ngày 17/7/2014.

Ngày 17/7/2014, Ngân hàng S – Chi nhánh Bình Dương – Phòng Giao dịch D có cho ông Trần Đình C và bà Dương Thị H vay vốn theo hợp đồng tín dụng từng lần số LD 1419800110 ngày 17/7/2014 với các nội dung chính như sau: Số tiền bị đơn ông C và bà H vay gốc là 400.000.000 đồng, mục đích vay nhằm bổ sung vốn kinh doanh củi gỗ, hai bên thỏa thuận lãi suất là 12,2%/năm, thời hạn vay là 12 tháng.

Để đảm bảo cho hợp đồng tín dụng nói trên, ông C và bà H đã ký kết hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 2493/TC ngày 18/7/2014 để thế chấp tài sản cho Ngân hàng S, cụ thể: Lô đất và tài sản trên đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành BP657344, số vào sổ CH1579 do Ủy ban nhân dân (UBND) huyện D cấp ngày 24/6/2014 cho ông Trần Đình C đứng tên (phần đất có diện tích 3.290 m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 353, tờ bản đồ số 33 tọa lạc tại ấp C, xã M, huyện D); Lô đất và tài sản trên đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành BP657345, số vào sổ CH01581 do UBND huyện D cấp ngày 24/6/2014 cho ông Trần Đình C đứng tên (phần đất có diện tích 1580 m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 352, tờ bản đồ số 33 tọa lạc tại ấp C, xã M, huyện D).

Đến thời hạn thanh toán, nhiều lần Ngân hàng S tiến hành mời ông C và bà H đến làm việc, đơn đốc việc trả nợ nhưng ông C và bà H vẫn không thực hiện theo các cam kết trả nợ vay như đã thỏa thuận, chây ỳ trong việc giải quyết nợ.

Tính đến ngày 17/11/2016, ông C và bà H còn nợ lại Ngân hàng S theo hợp đồng tín dụng LD 1419800110 ngày 17/7/2014 số tiền vay gốc là 400.000.000 đồng và tiền lãi 105.392.300 đồng, tổng cộng là 505.392.300 đồng. Nay, Ngân hàng S khởi kiện yêu cầu ông C và bà H có trách nhiệm thanh toán tổng số tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 17/11/2016 là 505.392.300 đồng, trong đó số tiền vay gốc là 400.000.000 đồng và tiền lãi là 105.392.300 đồng và các khoản tiền lãi vay phát sinh cho đến ngày thanh toán xong khoản nợ. Nếu ông C và bà H không thanh toán được khoản nợ nêu trên thì Ngân hàng S được quyền phát mãi toàn bộ tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 2493/TC ngày 18/7/2014 để thu hồi nợ.

- Đối với Thẻ tín dụng

+ Ngày 08/12/2014, ông Trần Đình C ký với Ngân hàng S hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng S, các tài liệu này gọi chung là hợp đồng). Căn cứ thu nhập của ông C, Ngân hàng S đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 15.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ, ông C đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 10.500.000 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, kể từ ngày kích hoạt cho đến nay ông C đã thanh toán cho Ngân hàng S số tiền 3.028.000 đồng. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông C vẫn không thanh toán trả các khoản nợ cho Ngân hàng S. Do ông C vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng sử dụng thẻ nên Ngân hàng S đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 17/5/2017, ông C còn nợ các khoản: Nợ gốc 10.491.844 đồng, nợ lãi 5.608.458 đồng, tổng cộng là 16.100.302 đồng.

+ Ngày 12/12/2014, bà Dương Thị H ký với Ngân hàng S hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng S, các tài liệu này gọi chung là hợp đồng). Căn cứ thu nhập của bà H, Ngân hàng S đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 15.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ, bà H đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 10.500.000 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, kể từ ngày kích hoạt cho đến nay bà H đã thanh toán cho Ngân hàng S số tiền 2.490.000 đồng. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà H vẫn không thanh toán trả các khoản nợ cho Ngân hàng S. Do bà H vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng sử dụng thẻ nên Ngân hàng S đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 17/5/2017, bà H còn nợ các khoản: Nợ gốc 10.631.050 đồng, nợ lãi quá hạn 5.998.965 đồng, tổng là 16.630.015 đồng.

- Chứng cứ Ngân hàng S cung cấp để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là: Bản sao tài liệu chứng cứ xác định tư cách và thẩm quyền khởi kiện; bản sao hợp đồng tín dụng LD1419800110 ngày 17/7/2014; bản sao 02 đơn yêu cầu đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đề ngày 19/7/2014 của ông C và bà H; bản sao hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 2493/TC ngày 18/7/2014; bản sao 02 thông báo nợ quá hạn đề ngày 09/3/2016 đối với ông C và bà H; 01 tờ khai thông tin cá nhân của ông Trần Đình C và bà Dương Thị H; 02 bản tóm tắt sao kê; bản tự khai của ông Lê Văn P2. Ngoài ra, nguyên đơn không cung cấp ý kiến gì khác.

**\* Bị đơn ông Trần Đình C và bà Dương Thị H:**

Quá trình thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, Tòa án đã tiến hành tổng đạt, niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự để bị đơn ông C và bà H biết, tham gia giải quyết vụ án nhưng bị đơn ông C và

bà H cố tình vắng mặt không C lý do. Tòa án không thu thập được ý kiến của bị đơn.

***\* Theo đơn xin giải quyết vắng mặt ngày 16/6/2017, biên bản làm việc ngày 30/5/2017 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị N có ý kiến:***

Bà N có mối quan hệ là chị ruột của ông Trần Đình C. Từ năm 2015 cho đến nay, ông C và bà H đã bỏ địa phương đi đâu gia đình không liên lạc được. Trên phần đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01581 ngày 24/6/2014 tọa lạc tại ấp C, xã M, huyện D, ông C có trồng một số cây cao su nhưng do ông C đã bỏ đi nên từ năm 2016 cho đến nay bà N có tiến hành khai thác cao mủ cao su này. Nay Ngân hàng S khởi kiện ông C và bà H tranh chấp hợp đồng tín dụng và yêu cầu được phát mãi tài sản thì bà N không có ý kiến gì, yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật vì đây là tài sản của ông C và bà H.

***\* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D có ý kiến:***

Quá trình tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đã thực hiện đầy đủ việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho các bên đương sự. Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ, công khai chứng cứ, hòa giải, xét xử đúng trình tự, thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn là ông P2 có văn bản yêu cầu giải quyết vắng mặt; bị đơn là ông C và bà H được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần hai không lý do; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà N có văn bản yêu cầu giải quyết vắng mặt. Đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt các bên đương sự theo quy định tại các Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố Tụng dân sự. Quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp hợp đồng dân sự (tín dụng). Không kiến nghị xem xét, bổ sung thủ tục tố tụng. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Từ những tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ. Sau khi nghe ý kiến trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định,

[1] Quá trình xác minh, thu thập chứng cứ thấy rằng: Ông C có đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Thôn N, xã T, huyện P, thành phố Hà Nội; nơi cư trú: Tổ 5, ấp L, xã H, huyện D, tỉnh Bình Dương; bị đơn bà H có hộ khẩu thường trú tại: Ấp Đ, xã H, huyện D, tỉnh Bình Dương. Từ năm 2015 đến nay, ông C và bà H đều không còn cư trú tại xã H, huyện D, tỉnh Bình Dương. Căn cứ theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện D.

[2] Theo đơn khởi kiện ngày 07/3/2017 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 24/5/2017, nguyên đơn Ngân hàng S đã khởi kiện tranh chấp đối với bị đơn ông C và bà H về Hợp đồng tín dụng từng lần số LD 1419800110 ngày 17/7/2014; tranh chấp đối với ông C về Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng được ký ngày

08/12/2014 và tranh chấp đối với bà H về Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 12/12/2014 nên quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản (tín dụng) theo quy định tại Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lê Văn P2 có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt ngày 15/8/2017. Bị đơn ông Trần Đình C và bà Dương Thị H đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị N có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt ngày 16/6/2017. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các bên đương sự theo quy định tại các Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng S

- Ngày 07/3/2017, Ngân hàng S khởi kiện yêu cầu bị đơn ông C và bà H có nghĩa vụ thanh toán tổng số tiền 505.392.300 đồng (gồm 400.000.000 đồng tiền vay gốc và 105.392.300 đồng tiền nợ lãi tạm tính đến ngày 17/11/2016) theo hợp theo hợp đồng tín dụng LD 1419800110 ngày 17/7/2014 và các khoản tiền lãi vay phát sinh cho đến ngày thanh toán xong khoản nợ. Nếu ông C và bà H không thanh toán được khoản nợ nêu trên thì Ngân hàng S được quyền phát mãi toàn bộ tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 2493/TC ngày 18/7/2014 để thu hồi nợ. Xem xét các điều khoản của hợp đồng tín dụng số LD 1419800110 ngày 17/7/2014, thấy rằng: Số tiền bị đơn ông C, bà H vay gốc là 400.000.000 đồng; mục đích vay nhằm bổ sung vốn kinh doanh củi gỗ; hai bên thỏa thuận lãi suất 1,1%/tháng (tương đương 12,2%/năm) và có thể thay đổi theo từng thời điểm, trả lãi hàng tháng và số ngày thực tế; thời hạn vay là 12 tháng. Sau khi nhận được tiền vay, bị đơn ông C và bà H không thanh toán tiền gốc cũng như khoản tiền lãi cho Ngân hàng S. Việc ông C và bà H không thanh toán số tiền vay theo hợp đồng tín dụng số LD 1419800110 ngày 17/7/2014 khi đến thời hạn là đã vi phạm thỏa thuận thời hạn trả nợ theo quy định tại khoản 9 của hợp đồng. Do đó, Ngân hàng S khởi kiện yêu cầu ông C và bà H trả tiền gốc và tiền lãi phát sinh là có căn cứ theo quy định tại khoản 6 và 11 của hợp đồng và vi phạm quy định tại các Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Theo đó, ông C và bà H có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng S tổng số tiền 505.392.300 đồng (gồm 400.000.000 đồng tiền vay gốc và 105.392.300 đồng tiền nợ lãi tạm tính đến ngày 17/11/2016) và các khoản tiền lãi vay phát sinh cho đến ngày thanh toán xong khoản nợ.

- Để đảm bảo cho khoản vay gồm 400.000.000 đồng theo hợp nói trên, bị đơn ông C và bà H đã ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 2493/TC ngày 18/7/2014, theo đó, ông C và bà H đã thế chấp cho Ngân hàng S phần đất có diện tích 3.290 m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 353, tờ bản đồ số 33 tọa lạc tại ấp C, xã M, huyện D và tài sản trên đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành BP657344, sổ vào sổ CH1579 do UBND huyện D cấp ngày 24/6/2014 cho ông Trần Đình C đứng tên và phần đất có diện tích 1580 m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 352, tờ bản đồ số 33 tọa lạc tại ấp C, xã M, huyện D và tài sản trên đất theo giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành BP657345, số vào sổ CH01581 do UBND huyện D cấp ngày 24/6/2014 cho ông Trần Đình C đứng tên. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 2493/TC ngày 18/7/2014 đã được công chứng, chứng thực theo đúng quy định của pháp luật. Do đó, trường hợp ông C và bà H không thanh toán được các khoản nợ nêu trên thì Ngân hàng S được quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự xử lý toàn bộ tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 2493/TC ngày 18/7/2014 để thu hồi nợ theo đúng quy định của pháp luật.

- Ngân hàng S khởi kiện yêu cầu bị đơn ông C thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng S tổng số tiền 16.100.302 đồng (nợ gốc 10.491.844 đồng và nợ lãi tạm tính đến ngày 17/5/2017 là 5.608.458 đồng) và các khoản tiền lãi vay phát sinh cho đến ngày thanh toán xong khoản nợ theo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ký kết ngày 08/12/2014. Xem xét nội dung hợp đồng sử dụng thẻ đã được ký kết, thấy rằng quá trình sử dụng thẻ, ông C đã không thực hiện đúng thỏa thuận và vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng S đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn là có căn cứ. Tính đến ngày 17/5/2017, ông C còn nợ các khoản nợ vay gốc 10.491.844 đồng, nợ lãi 5.608.458 đồng, tổng cộng là 16.100.302 đồng. Ông C chưa thanh toán được các nợ nên Ngân hàng S khởi kiện là có căn cứ theo quy định tại các Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Ngân hàng S khởi kiện yêu cầu bị đơn bà H thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng S tổng số tiền 16.630.015 đồng (nợ gốc 10.631.050 đồng và nợ lãi tạm tính đến ngày 17/5/2017 là 5.998.965 đồng) và các khoản tiền lãi vay phát sinh cho đến ngày thanh toán xong khoản nợ theo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ký kết ngày 12/12/2014. Xem xét nội dung hợp đồng sử dụng thẻ đã được ký kết, thấy rằng quá trình sử dụng thẻ, bà H đã không thực hiện đúng thỏa thuận và vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng S đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn là có căn cứ. Tính đến ngày 17/5/2017, bà H còn nợ các khoản nợ vay gốc 10.631.050 đồng và nợ lãi 5.998.965 đồng, tổng cộng là 16.630.015 đồng. Bà H chưa thanh toán được các nợ nên Ngân hàng S khởi kiện là có căn cứ theo quy định tại các Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[5] Bị đơn ông C và bà H được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng cố tình vắng mặt không lý do nên không xem xét ý kiến của bị đơn.

[6] Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà N là phù hợp nên được chấp nhận.

[7] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về phần các thủ tục tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa, về nội dung vụ án là phù hợp.

[8] Bị đơn ông C, bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 138, 147, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc tranh chấp hợp đồng dân sự (tín dụng số LD 1419800110 ngày 17/7/2014) giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần S đối với ông Trần Đình C và bà Dương Thị H.

1.1. Buộc ông Trần Đình C và bà Dương Thị H có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S tổng số tiền 505.392.300 đồng (năm trăm lẻ năm triệu ba trăm chín mươi hai nghìn ba trăm đồng), trong đó bao gồm 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng) tiền vay gốc và 105.392.300 đồng (một trăm lẻ năm triệu ba trăm chín mươi hai nghìn ba trăm đồng) tiền lãi tạm tính đến ngày 17/11/2016.

1.2. Từ ngày 18/11/2016 cho đến khi trả hết số tiền vay, ông Trần Đình C và bà Dương Thị H có trách nhiệm liên đới thanh toán tiền lãi phát sinh cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S theo đúng như thỏa thuận của hợp đồng tín dụng số LD 1419800110 ngày 17/7/2014.

1.3. Trường hợp ông Trần Đình C và bà Dương Thị H không thanh toán được số tiền nêu trên thì Ngân hàng Thương mại cổ phần S được quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự huyện D xử lý tài sản thế chấp để đảm bảo thi hành án theo hợp đồng thế chấp tài sản số 2493/TC ngày 18/7/2014.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc tranh chấp hợp đồng dân sự (hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ký kết ngày 08/12/2014) giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần S đối với ông Trần Đình C.

2.1. Buộc ông Trần Đình C có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S tổng số tiền là 16.100.302 đồng (mười sáu triệu một trăm nghìn ba trăm lẻ hai đồng) trong đó bao gồm tiền vay gốc 10.491.844 đồng và tiền lãi tạm tính đến ngày 17/5/2017 là 5.608.458 đồng.

2.2. Từ ngày 18/5/2017 cho đến khi trả hết số tiền vay, ông Trần Đình C có trách nhiệm thanh toán tiền lãi phát sinh cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S theo đúng như thỏa thuận của hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ký kết ngày 08/12/2014.

3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc tranh chấp hợp đồng dân sự (hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ký kết ngày 12/12/2014) giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần S đối với bà Dương Thị H.

3.1. Buộc bà Dương Thị H có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S tổng số tiền là 16.630.015 đồng (mười sáu triệu sáu trăm ba mươi

ngàn không trăm mười lăm đồng), trong đó bao gồm tiền vay gốc 10.631.050 đồng và tiền lãi tạm tính đến ngày 17/5/2017 là 5.998.965 đồng.

3.2. Từ ngày 18/5/2017 cho đến khi trả hết số tiền vay, bà Dương Thị H có trách nhiệm thanh toán tiền lãi phát sinh cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S theo đúng như thỏa thuận của hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ký kết ngày 12/12/2014.

#### 4. Án phí dân sự sơ thẩm:

4.1. Ông Trần Đình C và bà Dương Thị H phải chịu số tiền 24.215.692 đồng (hai mươi bốn triệu hai trăm mười lăm nghìn sáu trăm chín mươi hai đồng).

4.2. Ông Trần Đình C phải chịu số tiền là 805.015 đồng (tám trăm lẻ năm nghìn không trăm mười lăm đồng).

4.3. Bà Dương Thị H phải chịu số tiền là 831.500 đồng (tám trăm ba mươi một nghìn năm trăm đồng).

4.4. Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền 12.926.183 đồng (mười hai triệu chín trăm hai mươi sáu nghìn một trăm tám mươi ba đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo các biên lai thu số AA/2016/0004998 ngày 13 tháng 3 năm 2017, số AA/2016/0005354 ngày 29 tháng 5 năm 2017, số AA/2016/0005355 ngày 29 tháng 5 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu cơ quan thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu khởi kiện thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện D;
- CC THA DS huyện D;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Minh Đồng**